

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 – 9 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:** Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Ông Trần G;** Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 239 ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh S (Ông G vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn: Bà Trần Thị Quách T;** Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 465 ấp B, xã V, huyện T, tỉnh S (Bà T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần G trình bày:*

Ông với bà Trần Thị Quách T tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và cũng trong năm 2005, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M (Nay là huyện T), tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 10 tháng 02 năm 2005. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột

bà T ở số 465 ấp B, xã Viên A, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã và do bà T không chung thủy. Ngày 27/4/2017, ông Trần G đã dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột của ông ở số 239 ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh S sinh sống cho đến nay. Từ khi không còn sống chung với nhau, bà T cũng không hề gặp ông G để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, ông G với bà T có hai con chung là Trần Thị Ra V, sinh ngày 13/12/2005 và Trần Thị Đa N, sinh ngày 23/6/2012 đang sống với ông G.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Trần G yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Quách T.
- Về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thị Ra V và Trần Thị Đa N và không yêu cầu bà Trần Thị Quách T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Trần Thị Quách T không có lời trình bày do vắng mặt.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 26/TB-TLVA ngày 14 tháng 02 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Trần Thị Quách T nhưng bà Trần Thị Quách T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần G. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà Trần Thị Quách T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trần Thị Quách T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Tm gia phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần G ly hôn với bà Trần Thị Quách T. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ra V và Trần Thị Đa N cho ông Trần G trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Trần Thị Quách T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần G và bà Trần Thị Quách T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông Trần G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bà T mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông G và bà T.

[2] Về nội dung: Ông Trần G và bà Trần Thị Quách T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Viên A, huyện M (Nay là huyện T), tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 10 tháng 02 năm 2005 nên quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà T là hợp pháp. Nguyên đơn ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà T, yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Ra V và Trần Thị Đa N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của ông Trần G, Hội đồng xét xử xét thấy, ông G và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã và do bà T không chung thủy. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Trần G yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Quách T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Trần Thị Ra V và Trần Thị Đa N trình bày có nguyện vọng được sống với cha nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Ông G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con. Xét yêu cầu được nuôi hai con của ông G, ông làm việc ở cơ quan báo chí và thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng. Từ khi ông và bà T không còn chung sống với nhau thì hai con do ông G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Và hiện tại, ông G hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Thị Ra V và Trần Thị Đa N cho ông G nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông G không yêu cầu nên bà T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Ông G trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông G trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông G yêu cầu nên ông G phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên Tm gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần G.
- Về hôn nhân: Ông Trần G được quyền ly hôn với bà Trần Thị Quách T.
- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ra V, sinh ngày 13/12/2005 và Trần Thị Đa Ni, sinh ngày 23/6/2012 cho ông Trần G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Trần Thị Quách T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị Quách T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Trần Thị Quách T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Trần G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Trần Thị Quách T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể ủy quyền người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001987 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, ông Trần G đã nộp xong án phí.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Chi cục T huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&T);
- Các đương sự.
- UBND xã Viên A, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Ngọc Trân**